ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 147 /GPMT-UBND	*Cần Thơ, ngày 06 tháng 11 năm 2026*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Bệnh viện Đa khoa Quốc tế S.I.S Cần Thơ - Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Y tế Việt Cường tại Văn bản số 37926/CV-S.I.S ngày 15 tháng 10 năm 2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 14662/TTr-SNNMT ngày 30 tháng 10 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Bệnh viện Đa khoa Quốc tế S.I.S Cần Thơ - Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Y tế Việt Cường, địa chỉ tại số 397 Nguyễn Văn Cừ, phường An Bình, thành phố Cần Thơ được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở "Bệnh viện Đa khoa Quốc tế S.I.S Cần Thơ" tại số 397, Nguyễn Văn Cừ, phường An Bình, thành phố Cần Thơ với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện Đa khoa Quốc tế S.I.S Cần Thơ.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 397, Nguyễn Văn Cừ, phường An Bình, thành phố Cần Thơ.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0312592908-002, đăng ký lần đầu ngày 27/11/2018. Đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 04/11/2025.

1.4. Mã số thuế: 0312592908-002

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cơ sở khám và chữa bệnh đa khoa.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở

- Diện tích: 3.755,2 m^2.

- Nhóm dự án: Thuộc dự án nhóm B theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công và thuộc dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

- Cơ sở đã được cấp Giấy phép môi trường số 44/GPMT-UBND ngày 28 tháng 05 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Quy mô, công suất:

+ Quy mô: Gồm một tòa nhà 09 tầng và 01 tầng tum để bố trí các khoa, phòng chức năng, công trình phụ trợ và các công trình bảo vệ môi trường (hệ thống xử lý nước thải 250 m^3/ngày đêm, các kho chứa chất thải).

+ Công suất: Số giường bệnh nội trú 250 giường, khám chữa bệnh ngoại trú 1.500 lượt/ngày.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

3. Nội dung xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh: -

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện Đa khoa Quốc tế S.I.S Cần Thơ - Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Y tế Việt Cường có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo

quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp giấy phép môi trường, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày ..*06*.. tháng 11 năm 2036).

Giấy phép môi trường số 44/GPMT-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này ban hành.

Điều 4. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân phường An Bình tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ NN và MT;
- CT UBND thành phố;
- BV Đa khoa Quốc tế S.I.S Cần Thơ - CN Cty CP Đầu tư Y tế Việt Cường;
- Cổng Thông tin điện tử TP;
- VP UBND TP (2H);
- Lưu VT.vk

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Chí Hùng

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..147.../GPMT-UBND ngày 06.... tháng 11 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, nhân viên, bệnh nhân, người nhà bệnh nhân;

- Nguồn số 02: Nước thải y tế từ các hoạt động khám ngoại trú, điều trị nội trú, phòng cấp cứu, phòng phẫu thuật; xét nghiệm;

- Nguồn số 03: Nước thải từ hoạt động giặt quần áo, chăn ga;

- Nguồn số 04: Nước thải từ khu vực vệ sinh thùng chứa rác;

- Nguồn số 05: Nước thải từ khu vực chứa chất thải rắn thông thường.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Tuyến cống thoát nước sinh hoạt hiện hữu trên vỉa hè Đường số 5 thuộc Khu đô thị Hai bên đường Nguyễn Văn Cừ (đoạn từ đường Cái Sơn - Hàng Bàng đến đường tỉnh 922).

2.2. Vị trí xả nước thải

- Điểm tiếp nhận: Hố ga của tuyến cống thoát nước sinh hoạt hiện hữu trên vỉa hè Đường số 5 thuộc Khu đô thị Hai bên đường Nguyễn Văn Cừ (đoạn từ đường Cái Sơn - Hàng Bàng đến đường tỉnh 922).

- Tọa độ vị trí đấu nối: X = 1107649, Y = 580750 *(Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến 105˚, múi chiếu 3˚).*

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 250 m^3/ngày đêm (*theo công suất của hệ thống xử lý nước thải tập trung*).

2.4. Phương thức xả nước thải: Bơm cưỡng bức.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A, F ≤ 2.000 m^3/ngày) (loại hình Bệnh viện, trạm y tế), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 40:2025/BTNMT (cột A, F ≤ 2.000 m^3/ngày)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục (nếu có)
1	pH	-	6 - 9	Chủ cơ sở đề xuất quan trắc 06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	40		
3	Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD_5)	mg/l	40		
4	Nhu cầu Oxy hóa học (COD)	mg/l	65		
5	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	20		
6	Sunfua (S^{2-})	mg/l	0,2		
7	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	4		
8	Amoni ($N\text{-}NH_4^+$), tính theo N	mg/l	5		
9	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.000		
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	5		
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	3		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Nước thải phát sinh gồm: Nước thải y tế từ hoạt động khám chữa bệnh; nước thải sinh hoạt (từ các nhà vệ sinh đã được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, nước thải từ hoạt động tắm giặt, rửa tay); nước thải từ hoạt động giặt quần áo, chăn ga; nước thải từ hoạt động vệ sinh thùng chứa rác; nước thải từ khu vực chứa chất thải rắn thông thường. Toàn bộ nước thải được thu gom về hệ thống xử lý nước thải với công suất 250 m^3/ngày đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh + Nước thải từ nhà vệ sinh (đã xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn) + Nước thải từ bồn rửa tay + Nước thải từ hoạt động vệ sinh khu vực vệ sinh thùng chứa rác + Nước thải từ khu vực chứa chất thải rắn thông thường → Bể thu gom → Lược tách rác thô + Nước thải từ nhà giặt (đã xử lý bởi module xử lý hóa lý gồm keo tụ – tạo bông – lắng hóa lý kết hợp tấm lắng lamella) → Bể điều hòa → Lược tách rác tinh → Phân phối lưu lượng vào 02 module xử lý sinh học (bao gồm Bể kỵ

khí → Bể Thiếu khí → (Máy cung cấp Oxy) Bể sinh học hiếu khí MBBR → Bể lắng) → (Bơm định lượng Javel) Bể khử trùng → Phân phối lưu lượng vào 02 module lọc áp lực → Nước thải đầu ra đạt QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A, F ≤ 2.000 m^3/ngày) và đi theo đường ống ngầm BTCT DN400 dài khoảng 90m đấu nối vào tuyến cống thoát nước sinh hoạt hiện hữu trên vỉa hè Đường số 5 thuộc Khu đô thị Hai bên đường Nguyễn Văn Cừ (đoạn từ đường Cái Sơn - Hàng Bàng đến đường tỉnh 922).

- Công suất thiết kế: 250 m^3/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH 17,5 kg/ngày, Javel 37,5 lít/ngày, mật rỉ đường 12,5 lít/ngày, PAC 20 kg/ngày, Polymer anion 300 g/ngày.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Hệ thống xử lý nước thải đảm bảo hoạt động liên tục, có lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng và theo dõi, ghi chép nhật ký xử lý hàng ngày;

- Vận hành hệ thống theo quy trình hướng dẫn, tuân thủ đúng các yêu cầu thiết kế và vận hành hệ thống;

- Thực hiện công tác kiểm tra, bảo trì các thiết bị, đường ống định kỳ theo đúng hướng dẫn của hồ sơ hướng dẫn vận hành hệ thống xử lý nước thải;

- Nhân viên vận hành được tập huấn chương trình vận hành và bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải khi nhận bàn giao hệ thống;

- Lập kế hoạch ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải; Bố trí các thiết bị để sẵn sàng thay thế trong trường hợp có sự cố;

- Phối hợp với đơn vị có chức năng thu mẫu quan trắc định kỳ kiểm tra chất lượng nước thải đầu ra theo quy định;

- Thành lập đội ứng phó sự cố môi trường, ban hành kế hoạch, quy trình ứng phó sự cố môi trường và niêm yết tại hệ thống xử lý nước thải; đồng thời thường xuyên cử nhân viên vận hành hệ thống dự các cuộc đào tạo, tập huấn về vận hành an toàn công trình hệ thống xử lý nước thải;

- Khi phát hiện sự cố, phải báo cáo ngay đến chủ cơ sở để triển khai các biện pháp ứng phó; Nhanh chóng tìm hiểu nguyên nhân để khắc phục, sửa chữa, kiểm tra và thu mẫu phân tích để đánh giá lại hiệu quả xử lý, đồng thời ghi chép vào nhật ký vận hành để theo dõi, rút kinh nghiệm.

1.5. Tiêu chuẩn tiếp nhận đấu nối nước thải tập trung (đối với trường hợp cấp giấy phép môi trường cho khu sản xuất, kinh doanh dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp): Không thuộc đối tượng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm: Sau khi được cấp giấy phép môi trường và hoàn thành việc nâng cấp hệ thống xử lý nước thải công suất 250 m^3/ngày đêm, dự kiến khoảng từ tháng 12/2026 đến tháng 02/2027.

- Thời gian kết thúc vận hành: Không quá 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 250 m^3/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi *(nếu có)*: Không xả nước thải ra công trình thủy lợi.

3.3. Trường hợp xả thải vào công trình thủy lợi nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu đến chất lượng nước trong công trình thủy lợi, chủ dự án đầu tư, cơ sở phải báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng quản lý công trình thủy lợi.

3.3. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo *(nếu có):* Bệnh viện Đa khoa Quốc tế S.I.S Cần Thơ - Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Y tế Việt Cường có trách nhiệm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất, để đảm bảo vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải hiệu quả, chất lượng nước thải đầu ra đạt quy chuẩn kỹ thuật theo quy định trong suốt quá trình vận hành của cơ sở.

3.4. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác *(nếu có):* Bệnh viện Đa khoa Quốc tế S.I.S Cần Thơ - Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Y tế Việt Cường cam kết không phát sinh chất phóng xạ có trong nước thải. Trường hợp có sự thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp, Bệnh viện Đa khoa Quốc tế S.I.S Cần Thơ - Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Y tế Việt Cường có trách nhiệm rà soát thực hiện thủ tục điều chỉnh hoặc đề xuất cấp giấy phép môi trường theo quy định.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 147/GPMT-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

1.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải;

- Nguồn số 2: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy phát điện.

1.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung *(theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến 105˚, múi chiếu 3˚)*

- Nguồn số 01: Khu vực đặt hệ thống xử lý nước thải. Tọa độ: X = 1107696; Y = 580801;

- Nguồn số 02: Khu vực phòng chứa máy phát điện. Tọa độ: X = 1107666; Y = 580816.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

STT	Thời gian áp dụng	Giá trị giới hạn *Theo QCVN 26:2025/BNNMT (khu vực A)*
1	Từ 6 giờ đến trước 18 giờ	50
2	Từ 18 giờ đến trước 22 giờ	45
3	Từ 22 giờ đến trước 6 giờ	40

2.2. Độ rung

STT	Thời gian áp dụng	Giá trị giới hạn *Theo QCVN 27:2025/BNNMT (khu vực A)*
1	Ngày (06:00 đến trước 22:00)	60
2	Đêm (22:00 đến trước 06:00)	55

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Hệ thống xử lý nước thải đặt cách xa vị trí các khoa phòng, khu vực khám chữa bệnh và nghỉ ngơi của bệnh nhân; Định kỳ kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng nhằm đảm bảo an toàn trong quá trình hoạt động và thay thế đệm cao su, lò xo chống rung cho các thiết bị, máy móc.

- Máy phát điện có tích hợp thiết bị giảm âm; Xây dựng nhà chứa máy phát điện có tường cách âm và ở xa vị trí các khoa phòng;

- Máy phát điện được định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng và chỉ sử dụng khi có sự cố mất điện.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo *(nếu có):* -

2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác *(nếu có):* -

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..147.../GPMT-UBND ngày ..06.. tháng 11 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên khoảng: 221.099 kg/năm

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
I	**Chất thải nguy hại lây nhiễm**		**90.074**	
1	Chất thải lây nhiễm: - Chất thải lây nhiễm sắc nhọn - Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn - Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao - Chất thải giải phẫu - Chất thải lây nhiễm dạng lỏng - Chất thải từ quá trình nuôi cấy vi sinh trong công tác kiểm nghiệm mẫu bệnh phẩm	Rắn/lỏng	90.074	13 01 01
II	**Chất thải nguy hại không lây nhiễm**		**860**	
1	Hóa chất thải bỏ bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng	Rắn/lỏng	20	13 01 02
2	Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	Rắn	20	13 01 03
3	Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hóa chất, các dụng cụ dính thuốc hoặc hóa chất thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	Rắn	800	18 01 04
4	Thiết bị y tế vỡ, hỏng đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân, cadimi hoặc có kim loại nặng vượt ngưỡng nguy hại	Rắn	20	13 03 02

III	**Chất thải nguy hại khác**		**130.165**	
1	Bóng đèn huỳnh quang thải bỏ	Rắn	55	16 01 06
2	Hộp mực in thải	Rắn	40	08 02 04
3	Mực in thải	Rắn	20	08 02 01
4	Các loại dầu mỡ thải	Lỏng	20	16 01 08
5	Pin, ắc quy thải bỏ	Rắn	10	16 01 12
6	Bao bì mềm, giẻ lau thải (từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị nhiễm dầu mỡ, chứa hóa chất độc hại) thải bỏ	Rắn	10	18 01 01
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc thải bỏ từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	10	18 02 01
8	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải(*)	Bùn	130.000	12 06 05
	Tổng cộng		**221.099**	

(*) Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Thực hiện phân định bùn thải theo QCVN 07:2025/BNNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại để có biện pháp xử lý phù hợp. Trong trường hợp chưa phân định được bùn thải, thực hiện biện pháp quản lý và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý như đối với chất thải nguy hại.

1.2. Khối lượng chất thải rắn thông thường không tái chế (bao bì, hộp nhựa, thức ăn thừa, bụi vải từ máy giặt, lá rụng, cành cây khô,…): Khoảng 1,1 tấn/ngày, tương đương 401,5 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn có thể tái chế (giấy bìa carton, giấy vụn, lon nước kim loại, hộp nhựa không dính hóa chất): Khoảng 130 kg/ngày, tương đương 47,45 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Kho lưu giữ chất thải nguy hại lây nhiễm: Diện tích 8,4 m^2, mái lợp tôn, xà gồ thép, nền và tường lót gạch, có gờ ngăn tràn, có cửa ra vào và tách biệt với các kho chứa khác, bên ngoài dán biển báo kho chất thải lây nhiễm, hướng dẫn phân loại chất thải và trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy, trang bị vật liệu hấp thụ (cát) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng. Bố trí 20 thùng chứa có nắp đậy màu vàng, dung tích 240 lít.

- Kho lưu giữ chất thải nguy hại không lây nhiễm: Diện tích 6,3 m^2, mái lợp tôn, xà gồ thép, nền và tường lót gạch, có gờ ngăn tràn, dán bảng mã CTNH tại vị trí đặt cho từng loại chất thải nguy hại, có cửa ra vào riêng, bên ngoài dán biển báo kho chất thải nguy hại không lây nhiễm, hướng dẫn phân loại chất thải, trang

bị thiết bị phòng cháy chữa cháy, trang bị vật liệu hấp thụ (cát) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng. Bố trí 6 thùng nhựa có nắp đậy màu đen, dung tích 120 lít.

- Chủ cơ sở ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường có thể tái chế

- Chất thải rắn thông thường có thể tái chế được chứa trong các thùng rác loại 20 lít và 60 lít bố trí tại các khoa, phòng. Nhân viên vệ sinh của bệnh viện thường xuyên thu gom, tập kết về kho chất thải của từng tầng/khoa phân loại theo đúng quy định, định kỳ thu gom, tập kết về kho chứa chất thải tái chế, diện tích 7 m^2, bố trí 01 thùng chứa có nắp đậy màu trắng thể tích 120 lít.

- Chủ cơ sở ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải thông thường không tái chế

- Chất thải rắn thông thường không tái chế được chứa trong các thùng rác loại 20 lít và 60 lít bố trí tại các khoa, phòng, khu vực sảnh đợi, nhà vệ sinh, văn phòng, bãi đỗ xe và dọc các lối đi. Nhân viên vệ sinh của bệnh viện thường xuyên thu gom, đưa về kho chứa chất thải của từng tầng/khoa để tiến hành phân loại theo đúng quy định, định kỳ thu gom, tập kết về kho chứa chất thải rắn thông thường (không tái chế), diện tích 14,3 m^2, bố trí 40 thùng chứa có nắp đậy màu xanh, dung tích 240 lít.

- Cơ sở ký hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom và xử lý với tần suất 01 lần/ngày hoặc khi có lượng rác thải lớn phát sinh đột xuất.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải *(nếu có, bao gồm tự xử lý chất thải y tế theo mô hình cụm):* Không có.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI

1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với nước thải

- Biện pháp phòng ngừa sự cố:

+ Bảo trì, bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ hệ thống xử lý nước thải; Định kỳ kiểm tra chất lượng nước sau xử lý; Bố trí đầy đủ các thiết bị dự phòng.

+ Nhân viên vận hành phải được đào tạo về quy trình vận hành các công đoạn xử lý nước thải, các nguyên tắc và kiến thức về an toàn lao động, an toàn hóa chất, an toàn cháy nổ, an toàn khi sử dụng điện, được huấn luyện các biện pháp phòng ngừa và khắc phục sự cố khi có các tình huống khẩn cấp xảy ra;

+ Nhân viên vận hành có trách nhiệm kiểm tra quá trình vận hành (cụ thể: kiểm tra các đèn báo trên tủ điện, dầu bơm và máy nén khí, kiểm tra lượng hóa chất) và phải ghi chép sổ vận hành hệ thống xử lý nước thải;

+ Tuyệt đối không thải các hóa chất có thành phần nguy hại vào hệ thống xử lý nước thải tránh làm chết vi sinh vật gây ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý của

hệ thống;

+ Đối với trường hợp hệ thống xử lý nước thải hoạt động bình thường nhưng chất lượng nước xử lý không đảm bảo (căn cứ theo kết quả quan trắc định kỳ) hoặc sự cố kỹ thuật trong hệ thống xử lý, chủ cơ sở liên hệ đơn vị chuyên môn, cơ quan chức năng để tiến hành khắc phục ngay.

- Biện pháp ứng phó khi có sự cố:

+ Lập tức thay thế các thiết bị dự phòng trong trường hợp máy bơm nước thải và máy bơm bùn bị sự cố không hoạt động, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải tập trung luôn được vận hành liên tục;

+ Trường hợp nhận thấy dấu hiệu lượng bệnh nhân đến khám chữa bệnh tăng đột biến (do dịch bệnh, thiên tai,...), thường xuyên theo dõi và đánh giá tình hình để kịp thời xử lý khi hệ thống xử lý nước thải có dấu hiệu bị quá tải;

+ Thành lập đội ứng phó sự cố môi trường; ban hành kế hoạch, quy trình ứng phó sự cố môi trường và niêm yết tại hệ thống xử lý nước thải; thường xuyên cử nhân viên vận hành hệ thống dự các cuộc đào tạo, tập huấn về vận hành an toàn công trình hệ thống xử lý nước thải;

+ Khi phát hiện sự cố, phải nhanh chóng tìm hiểu nguyên nhân để khắc phục, sửa chữa, kiểm tra và thu mẫu phân tích để đánh giá lại hiệu quả xử lý, đồng thời ghi chép vào nhật ký vận hành để theo dõi, rút kinh nghiệm.

2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với khí thải

- Biện pháp phòng ngừa sự cố

+ Vận hành liên tục hệ thống xử lý mùi, hệ thống thông gió và thổi khí; kiểm soát tải lượng, hút bùn và vệ sinh định kỳ để hạn chế phát sinh khí H_2S, NH_3;

+ Khi phát sinh mùi bất thường: tăng cường sục khí, khuấy trộn, kiểm tra và sửa chữa hệ thống thổi khí, sử dụng chế phẩm khử mùi khi cần thiết;

+ Khu vực lưu chứa chất thải phải thông thoáng, vệ sinh định kỳ, sử dụng thùng kín và chuyển giao chất thải kịp thời để hạn chế phát sinh mùi, khí độc.

- Biện pháp ứng phó sự cố:

- Khi phát hiện mùi hôi phát sinh bất thường từ hệ thống xử lý nước thải, tăng cường sục khí và khuấy trộn để cải thiện điều kiện xử lý; kiểm tra tình trạng hoạt động của máy thổi khí, hệ thống phân phối khí và khắc phục ngay khi phát hiện hư hỏng. Trường hợp mùi phát sinh với mức độ cao, thực hiện che chắn khu vực phát sinh và sử dụng chế phẩm khử mùi phù hợp để hạn chế ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

- Đối với khu vực lưu chứa chất thải, khi phát sinh mùi bất thường, tiến hành vệ sinh khu vực, tăng cường thông gió, sử dụng hóa chất hoặc chế phẩm khử mùi phù hợp; đẩy nhanh việc chuyển giao chất thải và tiến hành vệ sinh khu vực lưu chứa.

3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với chất thải rắn

- Có biện pháp thu gom, lưu giữ và vận chuyển đảm bảo an toàn, không để rò rỉ, chảy tràn chất thải ra bên ngoài môi trường (lựa chọn túi đựng chất thải thân thiện với môi trường đúng về quy cách, đảm bảo chất lượng; thực hiện đúng hướng dẫn về lưu chứa chất thải, cột chặt miệng túi khi thu gom, vận chuyển; đối với chất thải sắc nhọn phải có thùng chứa chuyên dụng; các chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao phải được chứa bên trong 2 lớp bọc theo quy định trước khi bàn giao);

- Thường xuyên vệ sinh kho chứa chất thải; chất thải bệnh phẩm phải có biện pháp lưu giữ phù hợp và thời gian không lưu giữ quá 02 ngày;

- Bố trí thùng chứa chất thải đảm bảo đủ thể tích để lưu chứa tất cả chất thải phát sinh; các thùng chứa có nắp đậy kín theo quy định;

- Kho chứa chất thải có gờ chống chảy tràn và được thường xuyên theo dõi;

- Yêu cầu đơn vị vận chuyển thực hiện thu gom và vận chuyển đúng thời gian và yêu cầu tăng tần suất thu gom khi cần thiết;

- Thường xuyên tổ chức tuyên truyền, tập huấn cho cán bộ công nhân viên về việc phân loại chất thải y tế theo quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT của Bộ Y tế và các quy định có liên quan;

- Xây dựng kế hoạch quản lý chất thải y tế, thành lập tổ kiểm tra, giám sát quản lý chất thải nội bộ;

- Đảm bảo cung ứng đầy đủ các phương tiện liên quan tới quản lý chất thải (túi, thùng đựng chất thải, xe vận chuyển, …) và phòng ngừa sự cố, khắc phục sự cố môi trường liên quan đến chất thải.

4. Biện pháp phòng chống cháy nổ

- Trang bị đầy đủ các thiết bị phòng cháy chữa cháy, bình chữa cháy CO_2, họng chữa cháy, thiết bị báo cháy tự động cho tất cả các khoa phòng;

- Tăng cường công tác kiểm tra nhắc nhở quy định hết giờ làm việc toàn bộ hệ thống điện trong các phòng làm việc không có người được ngắt, chỉ sử dụng hệ thống điện thắp sáng bảo vệ hoặc các phòng điều trị nội trú;

- Thường xuyên kiểm tra bổ sung phương án phòng cháy chữa cháy, bổ sung thay thế bình CO_2, máy bơm, kiểm tra và bảo trì bảo dưỡng hệ thống điện;

- Các đường dây điện thiết kế an toàn để tránh chập mạch và gây cháy; định kỳ kiểm tra các đường dây điện và các mối nối;

- Đặt biển cấm hút thuốc lá và các hoạt động phát sinh lửa trong khu vực dễ cháy nổ;

- Không sử dụng bình chứa gas có dung tích lớn để tránh các rủi ro có thể sự cố cháy nổ;

- Phân công tổ phụ trách phòng cháy chữa cháy và tham gia đầy đủ các lớp tập huấn phòng chống cháy nổ do cơ quan chức năng tổ chức;

- Lập phương án Phòng cháy chữa cháy và thành lập đội ứng phó sự cố PCCC tại cơ sở. Ngoài giờ hành chính, luôn bố trí người thường trực thuộc đội sẵn sàng ứng phó với sự cố PCCC. Tổ chức thực tập phòng cháy chữa cháy, định kỳ 01 lần/năm. Trong quá trình triển khai thực hiện nâng quy mô, công suất sẽ thực hiện thẩm định phê duyệt thiết kế PCCC mới đi kèm trong bước thẩm định thiết kế cơ sở, cấp giấy phép xây dựng.

- Khắc phục ngay các tồn tại sau các đợt tự kiểm tra và biên bản rút kinh nghiệm.

5. Biện pháp phòng ngừa sự cố hóa chất

- Bố trí nhà kho riêng để lưu trữ các loại nguyên liệu, hóa chất có tính chất nguy hiểm. Các loại hóa chất được chứa trong các thùng chứa phù hợp với mỗi loại hóa chất, dung môi do nhà sản xuất cung cấp; kho lưu trữ thường xuyên được kiểm tra sự ngăn nắp, sạch, thông thoáng;

- Hóa chất dùng cho hệ thống xử lý nước thải lưu trữ tại nhà điều hành với số lượng vừa đủ trong 2 – 3 ngày để hạn chế việc lưu giữ quá số lượng cần thiết, tăng rủi ro tràn đổ, rò rỉ tại khu vực vận hành hệ thống xử lý nước thải; kiểm tra định kỳ tình trạng bồn chứa, đường ống và thiết bị châm hóa chất để phát hiện sớm nguy cơ rò rỉ;

- Trang bị đầy đủ dụng cụ ứng phó sự cố hóa chất; Bố trí nhân viên có chuyên môn để quản lý kho chứa hóa chất và có thể giải quyết vấn đề một cách nhanh chóng và hiệu quả khi có sự cố xảy ra.

6. Biện pháp phòng chống ô nhiễm phóng xạ

- Tường phòng X-Quang, CT: trát cản xạ (ốp chì cản xạ) tường, trần trong phòng X-Quang, CT trước khi hoàn thiện. Lắp đặt cửa chì cản xạ phòng X-quang, CT đúng theo quy định;

- Thiết bị X-quang, CT photon được kiểm định định kỳ và vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật nhằm đảm bảo an toàn bức xạ; thiết bị được che chắn đúng quy định và quy định sử dụng thiết bị nhằm đảm bảo liều giới hạn hàng năm đối với nhân viên vận hành máy không vượt quá 20 mSv/năm;

- Lúc sử dụng thiết bị bức xạ tia chiếu không hướng vào tủ điều khiển, cửa ra vào, cửa sổ hoặc khu vực đông người; Tủ điều khiển thiết bị bức xạ đặt ngoài, sát phòng đặt thiết bị, có phương tiện quan sát bệnh nhân, có phương tiện thông tin giữa người điều khiển và bệnh nhân;

- Có tín hiệu cảnh báo đặt ở phía trên cửa ra vào phòng thiết bị bức xạ gồm một đèn đỏ phát sáng khi thiết bị bức xạ bắt đầu hoạt động; đặt biển cảnh báo bức xạ trên cửa ra vào phòng thiết bị bức xạ;

- Đăng ký cấp phép trước khi đưa máy vào sử dụng chính thức; không tự ý thay đổi kết cấu, các thông số kỹ thuật đã ấn định của máy X-quang nếu chưa được phép của cơ quan chức năng;

- Kiểm tra, bảo dưỡng máy X-quang theo đúng quy định của đơn vị sản

xuất;

- Các kỹ thuật viên được đào tạo chính quy về chuyên môn chẩn đoán hình ảnh, kỹ thuật sử dụng máy X-quang và kiến thức về an toàn bức xạ.

7. Biện pháp phòng ngừa sự cố mất điện

- Bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện thường xuyên để đảm bảo máy phát điện có thể hoạt động ngay khi cần để duy trì hoạt động của bệnh viện và hệ thống xử lý nước thải;

- Khi mất điện, nhanh chóng chuyển sang nguồn điện dự phòng; trong thời gian chuyển nguồn, nước thải tiếp tục được lưu giữ tại hố thu gom, bể điều hòa và các công trình lưu chứa;

- Trường hợp hệ thống không thể vận hành, tận dụng dung tích các bể để lưu chứa tạm thời và khắc phục sự cố trong thời gian sớm nhất; chỉ đưa hệ thống hoạt động trở lại sau khi kiểm tra bảo đảm an toàn.

8. Biện pháp an toàn phòng ngừa lây lan dịch bệnh

- Nhân viên thực hiện các biện pháp phòng ngừa lây nhiễm khi tiếp xúc với bệnh phẩm từ các phòng xét nghiệm, thăm dò chẩn đoán, điều trị (sát khuẩn tay, đeo khẩu trang, áo quần bảo hộ);

- Các bệnh phẩm là máu, dịch tiết cơ thể là chất lỏng có nguy cơ lây nhiễm nguy hiểm sau khi thực hiện các xét nghiệm chẩn đoán cần được khử khuẩn an toàn bằng hóa chất khử khuẩn, các bệnh phẩm xét nghiệm vi sinh, chủng vi sinh vật sống phải được tiệt khuẩn bằng Autoclave 121°C/20 phút hoặc lưu chứa trong 2 lớp bọc, buộc kín miệng sau đó tập trung tại nhà lưu giữ rác của cơ sở;

- Cấm đưa bệnh phẩm chưa xử lý ra khỏi khoa xét nghiệm, cấm đổ các bệnh phẩm vào hệ thống thoát nước thông thường gây ô nhiễm và tắc hệ thống thoát nước;

- Các chủng vi sinh vật lưu giữ phải đảm bảo an toàn sinh học. Đối với các chủng vi sinh vật có nguy cơ lây lan thành dịch phải được bảo quản theo chế độ an toàn tuyệt đối. Nhân viên khi thực hiện nghiên cứu, chẩn đoán liên quan đến vi sinh vật có nguy cơ lây nhiễm cao phải được huấn luyện thành thạo kỹ thuật và kỹ năng sử dụng phương tiện phòng hộ đúng quy tắc.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...147.../GPMT-UBND ngày ...06.. tháng 11 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG: Không thuộc đối tượng.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC: Không thuộc đối tượng.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG/GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG: Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Giấy phép môi trường là căn cứ để thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở, bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

3. Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý nước thải, bảo đảm nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật theo quy định trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn hóa chất, an toàn phóng xạ, an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ,.... Đồng thời, thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Thực hiện đúng quy định pháp luật về đất đai, đầu tư. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định hiện hành./.